

**Bản án số: 23/2022/DS-ST**

**Ngày: 05/9/2022**

**Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

*Các Hội Thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Kinh**, Bà **Nguyễn Thị Diệp Anh**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 05/4/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 26/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐDS-ST ngày 18/8/2022, giữa:

\* **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (AB).** Địa chỉ trụ sở chính: Số 442 N, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ T.P - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm T.T – Chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 69/UQ – QLN.22 ngày 20/1/2022 của Ông Từ T.P. Bà Phạm T.T ủy quyền tham gia tố tụng cho: Bà Lương Thị N.H – Chức vụ: nhân viên theo Giấy ủy quyền số 667/UQ-QLN.22 ngày 10/8/2022. Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, số 10 P, phường P, quận K, Hà Nội.

(Bà H có mặt tại phiên tòa)

\* **Bị đơn: Bà Nguyễn T.Đ.** Sinh năm 1952.

CCCD số 001152004795 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/11/2016. Nơi thường trú: Số 50 H, phường H, quận K, thành phố Hà Nội. (Bà Đ có mặt tại phiên tòa)

\***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn H.Q.** Sinh năm 1976

2. Cháu **Nguyễn H.Q1.** Sinh năm 2004

3. Cháu **Nguyễn Đ.T.** Sinh năm 2009

Cùng hiện ở tại: Căn hộ 902, tầng 9, nhà số 37, ngõ 67 Đ.G, phường Đ.G, quận L, Hà Nội.

(Cháu Q1, cháu T do ông Nguyễn H.Q làm đại diện)

(Ông Q vắng mặt tại phiên tòa);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***\*Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Ngân hàng TMCP AC và bà Nguyễn T.Đ có quan hệ tín dụng từ năm 2017, hai bên đã ký kết văn bản thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DOX.CN.1258.170417 ngày 19/4/2017. Sau đó, hai bên đã ký kết và thực hiện 04 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thế tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cấp tín dụng số DOX.CN.1261.170417 ngày 19/4/2017, số tiền vay 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, sửa chữa, mua sắm thiết bị. Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%. Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay bằng Khế ước nhận nợ ngày 19/4/2017, tài khoản vay số 236457269, phương thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bà Đ có số 236456159 với số tiền 500.000.000 đồng Lãi suất trong hạn: 9,7%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức:  $Lãi\ suất = LS13 + 3,9\%/năm + X$ .

2. Hợp đồng cấp tín dụng số DOX.CN.586.210618 ngày 22/6/2018, số tiền vay 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, sửa chữa, mua sắm thiết bị, bổ sung vốn thiếu hụt thường xuyên kinh doanh mặt hàng trang sức tại số 50 phố H. Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%. Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay bằng Khế ước nhận nợ ngày 19/4/2017, tài khoản vay số 264814809, phương thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bà Đ có số 236456159 với số tiền 270.000.000 đồng Lãi suất trong hạn: 9,7%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức:  $Lãi\ suất = LS13 + 3,9\%/năm + X$ .

3. Hợp đồng cấp tín dụng số DOX.CN.2339.261119 ngày 27/11/2019, số tiền vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, mục đích phục vụ tiêu dùng có tài sản bảo đảm, tiêu dùng khác phù hợp quy định của pháp luật. Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay bằng Khế ước nhận nợ ngày 27/11/2019, tài khoản vay số 297041679, phương thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bà Đ có số 236456159 với số tiền 100.000.000 đồng Lãi suất trong hạn: 10,3%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức:  $Lãi\ suất = LS13 + 3,9\%/năm + X$ .

4. Hợp đồng cấp tín dụng số DOX.CN.2729.220420 ngày 24/4/2020, số tiền vay 65.000.000 (Sáu mươi năm triệu) đồng, mục đích phục vụ tiêu dùng có tài sản bảo đảm, tiêu dùng khác phù hợp quy định của pháp luật. Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay bằng Khế ước nhận nợ ngày 24/4/2020, tài khoản vay số 307702639, phương thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bà Đ có số 236456159 với số tiền 65.000.000 đồng Lãi suất trong hạn: 8,5%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức:  $Lãi\ suất = LS13 + 2,9\%/năm$ .

5. Bà Nguyễn T. Đ đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB. Bà Đ đã được AB cấp loại thẻ tín dụng nội địa với hạn mức 50.000.000 đồng vào ngày 04/12/2019.

Để đảm bảo khoản nợ vay tín dụng, Ngân hàng TMCP AC và bà Nguyễn T. Đ đã ký kết Hợp đồng thế chấp số DOX.BĐCN.283.170417 được công chứng tại Văn phòng công chứng T, thành phố Hà Nội ngày 18/4/2017, số công chứng 001159.2017/HĐTC; với hình thức bảo đảm là thế chấp căn hộ số 902, tầng 9 nhà số 37, Ngõ 67 Đ.G, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn T. Đ căn cứ theo tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: 1766 do UBND quận L cấp ngày 31/7/2013, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn T. Đ tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận L ngày 24/3/2017. Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận L ngày 21/4/2017.

Ngày 08/02/2021, AB ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản thẻ tín dụng số 9704 \*\*\*\* \* 7736, do bà Nguyễn T. Đ đã không thanh toán đầy đủ cho AB theo Thông báo giao dịch hàng tháng và/hoặc có khoản vay khác tại AB (như Hợp đồng cấp tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên) bị chuyển nợ quá hạn, thuộc trường hợp AB được quyền chấm dứt sử dụng thẻ theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB.

Ngày 08/02/2021, AB ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ số 236457269, số 264814809, số 297041679 và số 307702639, do bà Nguyễn T. Đ vi phạm hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 03/6/2021: Bà Nguyễn T. Đ đã trả cho AB tổng số tiền theo các Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ là 1.171.514.081 đồng và số tiền theo Thẻ tín dụng số 9704 \*\*\*\* \* 7736 là 15.931.975 đồng.

Bà Đ còn nợ AB:

TT	Khế ước nhận nợ/ Số thẻ tín dụng	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt chậm trả lãi	Tổng cộng
1	236457269	244.064.000	4.649.921	11.385.982	184.493	260.284.396
2	264814809	176.794.000	5.080.042	8.357.965	176.410	190.408.417
3	297041679	79.996.000	2.173.700	3.760.254	57.130	85.987.084
4	307702639	65.000.000	1.362.329	2.270.548	35.246	68.668.123
5	9704xxxxxxx7736	48.384.102	0	3.203.794	0	51.587.896
<b>Tổng cộng</b>		<b>614.238.102</b>	<b>13.265.992</b>	<b>28.978.543</b>	<b>453.279</b>	<b>656.935.916</b>

Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau, buộc:

- Bà Nguyễn T. Đ trả ngay cho AB tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 03/6/2021 là 656.935.916 đồng, trong đó: vốn gốc 614.238.102 đồng, lãi trong hạn 13.265.992 đồng, lãi quá hạn 28.978.543 đồng, phạt chậm trả lãi 453.279 đồng.
- Bà Nguyễn T. Đ còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB, tính kể từ ngày 04/6/2021 đến ngày trả hết nợ.

- Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.
- Nếu bà Nguyễn T. Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là căn hộ số 902, tầng 9 nhà số 37, Ngõ 67 Đ.G, phường Đ.G, quận L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp là bà Nguyễn T.Đ.

***\*Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến tại bản tự khai ngày 22/4/2022 và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án như sau:***

Bà Nguyễn T. Đ xác nhận bà đã ký kết với AB các hợp đồng tín dụng các năm 2017, 2018, 2019, 2020, cũng như làm thẻ tín dụng năm 2019 tại phòng giao dịch của AB tại phố H, quận K, thành phố Hà Nội, cán bộ của AB là chị T.

Bà Đ đã nhận tiền mặt số tiền 500 triệu đồng và 270 triệu đồng do ngân hàng AB giải ngân cho bà. Còn số tiền 100 triệu và 65 triệu đồng thì để nguyên trong tài khoản để trừ vào số tiền nợ gốc nợ lãi bà chưa trả của hợp đồng 500 triệu đồng và 270 triệu đồng. Còn thẻ tín dụng thì sau khi làm thẻ xong bà đã rút được tiền mặt là 50 triệu đồng, rồi cầm thẻ nhưng không sử dụng cho giao dịch nào khác, hiện bà làm mất thẻ tín dụng.

Tất cả các giao dịch kể cả rút tiền mặt đều do chị T cán bộ giao dịch AB làm cho bà.

Hàng tháng bà Đ đến phòng giao dịch trả nợ theo lịch đã ký kết với AB, chỉ từ khi có dịch bệnh Covid thì ngân hàng trừ số tiền bà nợ vào tài khoản của bà có 165 triệu.

Bà xác nhận các số liệu ngân hàng AB đã khởi kiện tại Tòa, nay hoàn cảnh bà khó khăn nên đề nghị AB cho bà trả tất toán toàn bộ các hợp đồng, thẻ tín dụng là 300.000.000 đồng cho cả nợ gốc và nợ lãi.

Bà và ông Nguyễn Đ.L có tài sản chung là căn hộ số 902, tầng 9 nhà số 37, Ngõ 67 Đ.G, phường Đ.G, quận L, thành phố Hà Nội. Ông L đã mất năm 2014. Khi bà đến vay tín dụng tại AB chi nhánh T, cán bộ chi nhánh đã làm giúp bà thủ tục vay sau đó chuyển hồ sơ vay về phòng giao dịch gần nhà bà để tiện việc tín dụng cho bà. Các thủ tục để được vay đã làm như thế nào bà không nhớ. Bà và ông L có 03 người con là Nguyễn N.K, đã mất năm 2020, Nguyễn Thị T.V đã mất năm 2020 và Nguyễn T.D. Anh Nguyễn N.K có 03 người con là cháu Nguyễn Thị Hoàng H.H, Nguyễn N.H và Nguyễn H.N. Bà có cho các con cháu biết về việc ngân hàng đang khởi kiện bà về hợp đồng tín dụng và căn nhà thế chấp.

Từ thời điểm nhận căn hộ - tài sản thế chấp trong vụ án, năm 2009 đến nay, căn hộ do bà Đ quản lý, sử dụng, bà cho vợ chồng con gái ở nhờ (Nguyễn Thị T.V, Nguyễn H.Q), quá trình ăn ở sinh hoạt tại căn hộ, vợ chồng con gái không xây dựng, sửa chữa gì.

***\*Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn H.Q không giao nộp văn bản ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan vụ việc.***

***\*Tại phiên tòa:***

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về số liệu các khoản nợ tính đến hết ngày 05/9/2022, đề nghị HĐXX buộc bà Đ

phải trả cho AB tổng số tiền 793.587.317 đồng. Bà Nguyễn T. Đ có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB, kể từ ngày 06/9/2022 đến ngày trả hết nợ.

Số liệu tín dụng cụ thể như sau:

TT	Khế ước nhận nợ/ Số thẻ tín dụng	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt chậm trả lãi	Tổng cộng
1	236457269	244,064,000	4,649,921	63.408.726	769	312.891.883
2	264814809	176,794,000	5,080,042	46.325.265	815	229.014.549
3	297041679	79,996,000	2,173,700	20.962.462	249	103.380.951
4	307702639	65,000,000	1,362,329	12.692.363	151	79.206.503
5	9704xxxxxxxx7736	48,384,102	0	20.710.077		69.093.881
<b>Tổng cộng</b>		<b>614,238,102</b>	<b>13,265,992</b>	<b>164.098.893</b>	<b>1.984.631</b>	<b>793.587.317</b>

Ngân hàng xác định toàn bộ các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 23/02/2021 đến nay, khách hàng – bà Đ chưa trả cho ngân hàng thêm số tiền nào nên ngày 23/02/2021 được xác định là ngày quá hạn cho toàn bộ các hợp đồng tín dụng.

Về việc Bị đơn khẳng định không nhận số tiền 100.000.000 đồng và 65.000.000 đồng mà để lại để trừ dần vào số tiền đang nợ của hai hợp đồng 500 triệu và 270 triệu: Ngân hàng không công nhận ý kiến của bà Đ, thực tế sau khi giải ngân vào tài khoản của khách hàng – bà Đ thì bà Đ có toàn quyền sử dụng số tiền vay đã được giải ngân. Đến thời điểm thanh toán của từng hợp đồng tín dụng, ngân hàng sẽ tự động trừ vào tài khoản thanh toán sang tài khoản vay nếu tài khoản thanh toán của khách hàng còn tiền.

Ngân hàng AB không thực hiện giúp bà Đ thực hiện thủ tục đăng ký biến động tài sản thế chấp cũng như làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế tài sản thế chấp trong vụ án.

Về quyền lợi, nghĩa vụ của người liên quan anh Q, các cháu T, Q1, ngân hàng không có ý kiến gì.

\* Bị đơn bà Đ trình bày: giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Các số liệu ngân hàng trình bày tại phiên tòa bà không có ý kiến gì. Đề nghị ngân hàng cho thời gian 02 năm để gia đình bà thu xếp trả nợ cho ngân hàng cả nợ gốc và nợ lãi là 300 triệu đồng. Bà Đ khẳng định mọi thủ tục vay tín dụng đều do cán bộ ngân hàng thực hiện giúp bà nên bà không nhớ được đã làm những thủ tục nào.

Bà Đ khẳng định tài sản thế chấp để đảm bảo vay tín dụng giữa bà và AB là tài sản riêng của bà do bố mẹ để bà được chính quyền cho thời điểm giải tỏa căn nhà của bố mẹ để bà nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ nào để giao nộp chứng minh. Về việc ký kết văn bản công chứng tại phòng công chứng Từ Liêm: bà không nhớ cụ thể việc ký kết này, thời điểm làm thủ tục là cán bộ AB thực hiện giúp bà.

Cháu Q1 sinh tháng 10 năm 2004 nên đến tháng 10 năm 2022 mới đủ 18 tuổi, giấy khai sinh của cháu Q1 bà không có nên không giao nộp được cho Tòa

án. Từ thời điểm năm 2009 đến nay, bà Đ không xây dựng, sửa chữa gì đối với căn hộ - tài sản thế chấp trong vụ án.

Bà Đ giao nộp đơn xin miễn nộp án phí do bà năm nay đã 70 tuổi, hoàn cảnh khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét.

**\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử còn chậm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án:**

Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và một cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

Bị đơn cư trú tại số 50 phố H, phường H, quận K, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

#### **[2]. Về thủ tục tố tụng:**

**[2.1].** Ngày 18/8/2022, HĐXX đã hoãn phiên tòa do vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có lý do. Ngày 05/9/2022, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

**[2.2].** Quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng ông Nguyễn H.Q không có văn bản ý kiến cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan việc giải quyết vụ án. HĐXX thấy rằng ông Q đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định theo Bộ Luật tố tụng dân sự.

#### **[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

**[3.1].** Xét các hợp đồng tín dụng số DOX.CN.1261.170417 ngày 19/4/2017; DOX.CN.586.210618 ngày 22/6/2018; DOX.CN.2339.261119 ngày 27/11/2019; DOX.CN.2729.220420 ngày 24/4/2020: đều có hình thức bằng văn bản, phía AB bank do người có thẩm quyền theo văn bản ủy quyền ký kết với bà Nguyễn T.Đ, việc ký kết là tự nguyện, khách hàng bà Đ đã nhận được số tiền giải ngân theo thỏa thuận.

HĐXX thấy rằng 04 hợp đồng tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ Luật dân sự;

[3.2]. Xét giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân loại hình thẻ tín dụng nội địa AB Express, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng được ký kết giữa AB bank và bị đơn bà Đ có hình thức bằng văn bản có tiêu đề “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng không đề ngày tháng năm”, các chủ thể ký kết đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, bị đơn xác nhận đã nhận thẻ hiện đã thất lạc và xác nhận sau khi ký kết giao dịch thẻ tín dụng đã rút tiền mặt là 50 triệu đồng. Trên văn bản có ghi ngày cấp thẻ tín dụng là ngày 04/12/2019.

Do vậy, giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.3]. Xét tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp thấy rằng: Tính đến ngày 03/6/2021, bà Đ đã trả cho AB bank tổng số tiền 1.171.514.081 đồng và tổng số tiền theo Thẻ tín dụng số 704 \*\*\*\* \* 7736 là 15.931.975 đồng.

TT	Khế ước nhận nợ	Vốn gốc	Lãi	Tổng cộng
1	236457269	255.936.000	387.929.646	643.865.646
2	264814809	93.206.000	390.063.339	483.269.339
3	297041679	20.004.000	18.774.506	38.778.506
4	307702639	0	5.600.590	5.600.590
Tổng cộng		369.146.000	802.368.081	1.171.514.081

[3.4]. Xét việc thực hiện các hợp đồng tín dụng: Theo thỏa thuận tại điều 2 các hợp đồng tín dụng đã ký kết, ngân hàng và bà Đ đều có thỏa thuận về “lãi suất, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm, phạt vi phạm”

Theo quy định tại Điều 466, 468 của Bộ Luật Dân sự 2015, hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019, điều khoản này được chấp nhận do đã có sự thỏa thuận giữa hai bên.

Thực tế, ngân hàng đã thông báo cho bà Đ về số tiền nộp mỗi kỳ trong đó có số tiền phạt do chậm nộp số tiền nợ lãi.

[3.4.1]. Hợp đồng tín dụng số DOX.CN.1261.170417 ngày 19/4/2017: số tiền vay 500.000.000 đồng, AB xác định ngày 23/02/2021 là ngày khách hàng quá hạn với số tiền vốn gốc là 244.064.000 đồng. Bị đơn xác nhận đã nhận đủ 500.000.000 đồng giải ngân của AB.

[3.4.2]. Hợp đồng tín dụng DOX.CN.586.210618 ngày 22/6/2018; số tiền vay 270.000.000 đồng, AB xác định ngày 23/2/2021 là ngày khách hàng quá hạn với số tiền vốn gốc là 176.794.000 đồng. Bị đơn xác nhận đã nhận đủ 270.000.000 đồng giải ngân của AB.

[3.4.3]. Hợp đồng tín dụng DOX.CN.2339.261119 ngày 27/11/2019; số tiền vay 100.000.000 đồng, AB xác định ngày 23/2/2021 là ngày khách hàng quá hạn với số tiền vốn gốc là 79.996.000 đồng. Bị đơn khẳng định không nhận số tiền 100.000.000 đồng mà để lại để trừ dần vào số tiền đang nợ của hai hợp đồng 500 triệu và 270 triệu, tuy nhiên bà Đ không giao nộp được tài liệu chứng minh. Ngân hàng không xác nhận ý kiến trình bày của bà Đ nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

[3.4.4]. Hợp đồng tín dụng DOX.CN.2729.220420 ngày 24/4/2020; số tiền vay 65.000.000 đồng, AB xác định ngày 23/2/2021 là ngày khách hàng quá hạn với số tiền vốn gốc là 65.000.000 đồng. Bị đơn khẳng định không nhận số tiền 65.000.000 đồng mà để lại để trừ dần vào số tiền đang nợ của hai hợp đồng 500 triệu và 270 triệu, tuy nhiên bà Đ không giao nộp được tài liệu chứng minh. Ngân hàng không xác nhận ý kiến trình bày của bà Đ nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

[3.5]. Xét việc thực hiện giao dịch dân sự thẻ tín dụng:

[3.5.1]. Nội dung thỏa thuận giao dịch dân sự thẻ tín dụng giữa hai bên cụ thể, chi tiết tại “Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank” (BL 120- 128) có hiệu lực từ ngày 25/6/2019

[3.5.2]. Theo đó, về việc tính lãi trong hạn được quy định tại điểm b mục 5.4 nguyên tắc tính lãi và mục 5.5:

+ *AB sẽ tính lãi đối với số tiền ghi nợ từ ngày giao dịch rút tiền mặt được ghi nợ vào tài khoản thẻ cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền ghi nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt. Việc tính lãi nêu trên không phụ thuộc vào ngày lập BTBGD, ngày thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu và ngày đến hạn thanh toán.*

+ *Về mức lãi suất, phí được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do AB phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện này. AB có thể thay đổi biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng Thẻ...*

[3.5.3]. Tài liệu “Sao kê chi tiết giao dịch khách hàng” đề ngày 18/8/2022 cho thấy: Bị đơn chỉ sử dụng thẻ duy nhất một lần là rút tiền mặt vào ngày 04/12/2019, AB chỉ tính lãi trên dư nợ quá hạn với lãi suất thẻ 37,50%/năm, AB không tính lãi đối với số tiền phí rút tiền mặt, phí phạt.

Bị đơn đã không thanh toán số tiền còn nợ cho ngân hàng từ ngày 04/12/2019 đến nay như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền.

[3.6]. Bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ, do vậy số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm được chấp nhận.

[3.7]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản số DOX.BĐCN.283.170417 được công chứng tại Văn phòng công chứng T, thành phố Hà Nội ngày 18/4/2017, số công chứng 001159.2017/HĐTC:

[3.7.1]. Tài sản thế chấp là thế chấp căn hộ số 902, tầng 9 nhà số 37, Ngõ 67 Đ.G, phường Đ.G, quận L, thành phố Hà Nội đã được UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/7/2013 cho ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn T. Đ. Ngày 02/10/2014, ông Nguyễn Đình L chết.

[3.7.2]. Ngày 08/3/2017, tại Văn phòng công chứng Từ Liêm, thành phố Hà Nội, mẹ đẻ ông L cùng bà Đ và 03 con là Nguyễn N.K, Nguyễn T.V, Nguyễn T.D đã ký kết văn bản thỏa thuận phân chia tài sản có số công chứng 700/2017/VBTTPCDS.

Ngày 24/3/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận L đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu tài sản cho bà Nguyễn T. Đ.

[3.7.3]. Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bà Nguyễn T. Đ và người được ủy quyền của AB có hình thức bằng văn bản, các đương sự có đầy đủ năng

lực pháp luật dân sự, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng, tài sản thế chấp hợp pháp nên hợp đồng thế chấp không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Do vậy, HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của AB về việc tuyên nghĩa vụ của bị đơn trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên!*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 320, Điều 429, điểm b khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010;

- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

- Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản; lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án;

- Điều 12 khoản 1 điểm d, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP AC đối với bị đơn – bà Nguyễn T. Đ.**

**1.1. Buộc bà Nguyễn T. Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP AC tổng số tiền 793.587.317 đồng** theo 04 hợp đồng tín dụng và 01 giao dịch thẻ tín dụng đã ký kết, cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc **614.237.804 đồng (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm linh bốn đồng);**

- Số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền là **179.349.513 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm mười ba đồng).**

- Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

**1.2.** Bà Nguyễn T. Đ có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB, kể từ ngày 06/9/2022 đến ngày trả hết nợ.

**1.3.** Trong trường hợp bà Nguyễn T. Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo mục 1.1 thì Ngân hàng TMCP AC có quyền được đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là căn hộ số 902, tầng 9 nhà số 37, Ngõ 67 Đ.G, phường Đ.G, quận L, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp là bà Nguyễn T. Đ. *Tài sản thế chấp có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: 1766 do UBND quận L cấp ngày 31/7/2013, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn T. Đ tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận L ngày 24/3/2017.*

## **2. Án phí:**

**2.1.** Ngân hàng TMCP AC được trả lại 15.139.000 đồng (Mười lăm triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2020/0051546 ngày 04/4/2022.

**2.2.** Bà Nguyễn T. Đ thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

**3. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP AC, bị đơn.

Ngân hàng TMCP AC, bà Nguyễn T. Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn H.Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

## **4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật:**

**4.1.** *Số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp trên được ưu tiên thanh toán như sau :*

*a. Chi phí cho việc phát mãi tài sản;*

*b. Án phí;*

*c. Số tiền phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày thi hành án xong;*

*d. Nếu số tiền phát mãi còn dư thì được trả cho bà Nguyễn T. Đ.*

**4.2.** *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND p.Đ.G. đề nghị xét;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS  
quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THU HÀ**